TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/DS-PT
Ngày 04-6-2019
V/v yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Trung

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp B1, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. UBND huyện P, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Đ1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện P, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V. Địa chỉ: Số 2, phường L, quận B, Thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Thanh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh huyện P (văn bản ủy quyền ngày 28/3/2014).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Nam T (văn bản ủy quyền ngày 13/6/2018), có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Văn phòng Công chứng P. Địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Trưởng Văn phòng Công chứng: Bà Nguyễn Thị Hồng P, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Bá N trình bày:

Trước đây, ông S có vay tiền của ông N và đã được Tòa án nhân dân huyện P và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử buộc ông S phải trả cho ông số tiền 273.437.500 đồng. Tuy nhiên, trước khi xét xử phúc thẩm thì ông S đã lén lút tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B, xã , huyện P, tỉnh Bình Dương cho bà Trần Thị Đ là em gái ông S. Việc ông S lén lút tặng cho tài sản nêu trên thể hiện việc tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ với ông. Quyền sử dụng đất là tài sản duy nhất của ông S, không còn tài sản nào khác để thi hành án, việc tặng cho bà Đ quyền sử dụng đất là để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ vì hiện tại ông S vẫn ở trên đất và quản lý, sử dụng đất từ đó đến nay. Do đó, ông N yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S và bà Đ, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 148414 ngày 21/5/2015 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Trần Thị Đ.

- Bị đơn ông Trần Văn S trình bày:

Ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N vì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông cho bà Trần Thị Đ được Văn phòng

Công chứng chứng thực, đúng theo trình tự thủ tục, thửa đất của ông cũng không bị tranh chấp với ai vào thời điểm đó. Ông ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là do ông nợ tiền bà Đ và bà Đ thay ông trả tiền cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P chứ không phải cho không để tẩu tán tài sản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, không phải ông S tặng cho bà quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương mà là bà mua với số tiền 650.000.000 đồng, còn việc làm hợp đồng tặng cho là để không phải đóng tiền thuế. Việc ông S tặng cho bà quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật và được Văn phòng công chứng P chứng thực.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 148414, số vào sổ CH 03384 ngày 21/5/2015 cho bà Trần Thị Đ dựa trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn S và bà Trần Thị Đ. Việc cấp giấy chứng nhận đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Đồng thời, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2014/DS-ST ngày 19/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện P và Bản án dân sự phúc thẩm số 82/2015 ngày 22/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương không đề cập đến thửa đất số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương và cũng không đề cập đến việc ông S phải trả nợ cho ông N bằng quyền sử dụng đất thửa số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ pháp lý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh huyện P trình bày:

Bà Trần Thị Đ có vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh huyện P số tiền 200.000.000 đồng và thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, hiện tại bà Đ đã tất toán toàn bộ hợp đồng trên nên Ngân hàng không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng P trình bày:

Ngày 21/4/2015, bà Trần Thị Đ có đến Văn phòng Công chứng P để yêu cầu chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bên tặng cho là ông Trần Văn S, bên nhận tặng cho là bà Trần Thị Đ. Tài sản tặng cho là thửa đất số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Thửa đất được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn S ngày 17/4/2008. Ông S, bà Đ đã ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Công chứng viên đã

kiểm tra và nhận thấy các bên tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, người yêu cầu công chứng đã nộp đầy đủ giấy tờ, tài liệu đảm bảo cho việc công chứng. Văn phòng Công chứng P đã thực hiện trình tự, thủ tục công chứng theo đúng quy định của pháp luật, các bên đã tự khai và cam kết về thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Văn phòng Công chứng P là đúng sự thật, việc ký kết hợp đồng dựa trên sự tự nguyện của các bên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá N đối với bị đơn ông Trần Văn S về việc "yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

2. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Trần Văn và bà Trần Thị Đ số 001683, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng P chứng thực ngày 21/4/2015 đối với diện tích đất 7.495m^2 thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương là vô hiệu.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 148414 ngày 21/5/2015 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Trần Thị Đ ngày 21/5/2015 đối với phần đất có diện tích 7.495m^2 thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/11/2018, bị đơn ông Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, những người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa phúc thẩm, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng việc tặng cho quyền sử dụng đất đã có hiệu lực trước khi bản án có hiệu lực dựa vào Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, tuy nhiên thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S và bà Đ thì Nghị định số 62/2015/NĐ-CP chưa có hiệu lực thi hành nên căn cứ vào khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/10/2010 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự thì việc tặng cho quyền sử dụng đất sau khi đã có

bản án sơ thẩm về việc buộc ông S phải trả cho ông Nguyễn Bá N số tiền 273.437.500 đồng, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S và bà Đ vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2014/DS-ST ngày 19/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện P đã xử buộc ông Trần Văn S phải trả cho ông Nguyễn Bá N tiền vay, tiền lãi tổng cộng 273.437.500 đồng. Ngoài ra, ông S còn phải chịu án phí và tiền lãi chậm trả theo quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2014 ông S kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 82/2015/DS-PT ngày 22/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Sau khi có Bản án dân sự phúc thẩm, ông N có đơn yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cung cấp thông tin địa chính về hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn S thì xác định thửa đất số 39, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05452 ngày 17/4/2008 cho ông Trần Văn S nhưng ngày 21/4/2015, ông S đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này cho bà Trần Thị Đ (em gái ông S), đến ngày 21/5/2015, bà Đ được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03384. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S với bà Đ và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ để đảm bảo thi hành án vì đây là hợp đồng giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

[3] Xét ông Trần Văn S được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05452 ngày 17/11/2008. Ngày 21/4/2015, ông Trần Văn S lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho em ruột là bà Trần Thị Đ được Văn phòng Công chứng P chứng thực số 001683 ngày 21/4/2015, căn cứ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng, Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Đ số vào sổ CH03384 ngày 21/5/2015. Qua xem xét thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 08/5/2017 thì thửa đất ông S tặng cho bà Đ trên đất có căn nhà cấp 4 của ông S, trên đất còn có khoảng 300 cây cao su 15 năm tuổi và hiện tại ông S vẫn đang sinh sống và quản lý sử dụng nhà đất này.

[4] Thời điểm ông S lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Đ thì đã có bản án sơ thẩm buộc ông S phải trả cho ông N số tiền 273.437.500 đồng, ông S còn phải chịu án phí và tiền lãi chậm trả theo quy định và trong thời

gian chờ xét xử phúc thẩm. Ông S tặng cho quyền sử dụng đất từ năm 2015 nhưng đến nay vẫn quản lý sử dụng đất, ngoài quyền sử dụng đất ông tặng cho bà Đ thì không còn tài sản nào khác để thi hành án trả nợ. Ngoài ra, trên đất tặng cho có nhà và cây cao su nhưng hợp đồng tặng cho không đề cập đến, do đó, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Trần Văn S cho em ruột là bà Trần Thị Đ được Văn phòng Công chứng P chứng thực số 001683 ngày 21/4/2015 là không đúng theo quy định của pháp luật, hợp đồng này có căn cứ là giả tạo để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá N tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Trần Văn S và bà Trần Thị Đ được Văn phòng Công chứng P chứng thực số 001683, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/4/2015 vô hiệu và tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Trần Thị Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Bị đơn ông Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ kháng cáo cho rằng việc tặng cho quyền sử dụng đất đã có hiệu lực trước khi bản án có hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 Điều 168, Khoản 2 Điều 439 và Điều 692 Bộ luật Dân sự năm 2005 và theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐCP của Chính phủ ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự nên không bị vô hiệu, tuy nhiên, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/9/2015, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông S với bà Đ được lập trước ngày nghị định này có hiệu lực nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 6 của Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao ngày 26/10/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự để tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của các đương sự là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ phải nộp do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, 129, 137, 219 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 100, 167, 168 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 6 của Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao ngày 26/10/2010; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá N đối với bị đơn ông Trần Văn S về việc "yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

2.2. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Trần Văn S và bà Trần Thị Đ được Văn phòng Công chứng P chứng thực số 001683, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/4/2015 đối với diện tích đất 7.495m^2 thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương là vô hiệu.

2.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT148414, số vào sổ CH03384 ngày 21/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Trần Thị Đ đối với diện tích đất 7.495m^2 thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn S phải nộp 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Bá N số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0015653 ngày 16/12/2015 và số AA/2014/0015951 ngày 06/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Văn S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0025856 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0025855 ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huỳnh

Các Thẩm phán thành viên **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**